

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018

kèm theo

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số 3 Ngõ 1295 Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: (024) 3 974 5081/82

Fax: (024) 3 974 5083

Hà Nội, tháng 09 năm 2020



CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

MỤC LỤC

Nội dung	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2018	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2018	10 - 36

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

đính kèm Báo cáo tài chính

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (gọi tắt là Công ty) là đơn vị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101527970, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó;

Vốn điều lệ của Công ty: **31.178.000.000 đồng**

(Bằng chữ: Ba một tỷ một trăm bảy tám triệu đồng chẵn)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Trụ sở chính: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Lĩnh vực hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh kho, bất động sản, nhà ở
Chi tiết: Kinh doanh hàng bách hóa, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc lá, hàng tiêu dùng, vật tư bảo hộ lao động, kim khí, vật tư nông nghiệp, lương thực, nông sản, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo
Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Kinh doanh văn hóa phẩm
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
Chi tiết: Kinh doanh vải giả da, vải bạt, vải sợi may mặc;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Kinh doanh hàng điện máy; Mua bán các thiết bị điện tử, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phụ tùng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm;

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát Công ty tại ngày lập Báo cáo bao gồm:

A Hội đồng quản trị:

1 Bà Lê Thị Hợp

Chủ tịch Hội đồng quản trị

- | | |
|------------------------|------------|
| 2 Ông Đinh Ngọc Khanh | Thành viên |
| 3 Ông Phạm Ngọc Dương | Thành viên |
| 4 Ông Nguyễn Đình Hiệp | Thành viên |

B Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|-------------------------|---|
| 1 Ông Đinh Ngọc Khanh | Tổng Giám đốc |
| 2 Ông Phạm Ngọc Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Ông Nguyễn Đình Hiệp | Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 01/08/2018) |
| 4 Ông Vũ Hoàng Tùng | Phó Tổng Giám đốc |
| 5 Ông Nguyễn Văn Khoa | Phó Tổng Giám đốc |
| 6 Ông Mạnh Hoàng Thao | Phó Tổng Giám đốc |
| 7 Bà Đoàn Thị Lê Vân | Kế toán trưởng (Miễn nhiệm từ 10/05/2019) |
| 8 Ông Hoàng Quyết Chiến | Kế toán trưởng (Bổ nhiệm từ ngày 10/05/2019) |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPAHANOI) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đại diện

Công ty Cổ phần Tổng Bách hóa



Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Khanh

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020



Số: *151* /2020/BCKT/BCTCHN - CPA HANOI

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Tổng bách hóa được lập ngày 15/09/2020, từ trang 06 đến trang 37 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi không tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho, tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2018. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

Tại thời điểm kiểm toán chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ các biên bản đối chiếu xác nhận số dư công nợ các khoản phải thu, các khoản phải trả, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế, nhưng kết quả vẫn chưa đủ cơ sở để có thể đưa ra ý kiến. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tổng bách hóa tại ngày 31/12/2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Như đã trình bày tại phụ lục số 5 trong bản thuyết minh báo cáo tài chính: Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nguồn vốn chủ sở hữu âm với số tiền là (257.909.929.961) đồng, các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá Tổng tài sản là 257.909.929.961 VND. Ngoài ra, khoản lỗ thuần của công ty đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là (294.033.603.691) đồng. Công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ phải thu khách hàng, đồng thời cùng với sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn Tân Hoàng Minh đã cho vay vốn để đảm bảo cho Công ty hoạt động liên tục và tiếp tục thực hiện các dự án đầu tư đang triển khai.

Hà Nội, ngày 25 tháng 09 năm 2020

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Phó Tổng Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 3256-2020-016-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Lệ Hồng Thu

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 2659-2018-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		54.223.176.165	52.058.480.000
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		1.218.950.953	263.125.527
1. Tiền	111	V.01	1.218.950.953	263.125.527
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.205.198.000	7.205.198.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.02	7.205.198.000	7.205.198.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		42.176.826.005	40.421.602.220
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	95.450.107.536	95.805.242.173
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	133.177.098	133.042.258
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	9.714.227.669	8.964.380.087
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.06	(63.120.686.298)	(64.481.062.298)
IV. Hàng tồn kho	140	V.07	944.928.839	944.928.839
1. Hàng tồn kho	141		944.928.839	944.928.839
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.677.272.368	3.223.625.414
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		2.677.272.368	3.223.625.414
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		12.645.401.699	12.932.166.042
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		983.183.701	1.271.596.794
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	983.183.701	1.271.596.794
- Nguyên giá	222		21.202.619.806	21.202.619.806
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(20.219.436.105)	(19.931.023.012)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		6.957.825.000	6.957.825.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.09	6.957.825.000	6.957.825.000
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.611.962.418	4.611.962.418
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.10	5.014.539.854	5.014.539.854
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	3.245.325.956	3.245.325.956
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.12	(3.647.903.392)	(3.647.903.392)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		92.430.580	90.781.830
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.13	92.430.580	90.781.830
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		66.868.577.864	64.990.646.042

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của BCTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		324.778.507.825	321.500.359.651
I. Nợ ngắn hạn	310		324.778.507.825	321.500.359.651
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	3.881.632.450	4.863.731.850
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	12.284.535.338	12.074.835.309
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	13.772.033.013	12.179.561.854
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	14.577.650.296	14.015.467.420
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	120.062.886.809	111.160.313.168
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19	159.623.617.755	166.507.597.886
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		576.152.164	698.852.164
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(257.909.929.961)	(256.509.713.609)
I. Vốn chủ sở hữu	410		(257.909.929.961)	(256.509.713.609)
1. Vốn góp chủ sở hữu	411	V.20	31.178.000.000	31.178.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		31.178.000.000	31.178.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.557.218.859	3.557.218.859
4. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		1.388.454.871	1.388.454.871
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		(294.033.603.691)	(292.633.387.339)
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(294.357.254.452)	(292.875.954.292)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		323.650.761	242.566.953
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		66.868.577.864	64.990.646.042

Người lập biểu

luc

Hải Thanh Loan

Kế toán trưởng

Ma

Đoàn Thị Lê Vân



Đinh Ngọc Khanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	19.872.058.029	22.438.003.799
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	VI.03	19.872.058.029	22.438.003.799
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.04	-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		19.872.058.029	22.438.003.799
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.05	889.167.202	702.835.229
7. Chi phí tài chính	22	VI.06	7.899.824.070	11.111.285.216
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.899.824.070	11.111.285.216
8. Chi phí bán hàng	24	VI.07	10.306.120.655	9.045.277.348
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.08	3.678.981.788	3.373.589.743
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.123.701.282)	(389.313.279)
11. Thu nhập khác	31	VI.09	1.461.926.397	642.478.000
12. Chi phí khác	32	VI.10	14.574.354	10.597.768
13. Lợi nhuận khác	40		1.447.352.043	631.880.232
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		323.650.761	242.566.953
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		323.650.761	242.566.953
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		104	78
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71			

Người lập biểu

locu
 Hà Thanh Loan

Kế toán trưởng

Đoàn Thị Lê Văn

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Khanh
 Đinh Ngọc Khanh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2018

		<i>Đơn vị tính: đồng</i>	
CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất, kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	323.650.761	242.566.953
2. Điều chỉnh do các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	288.413.093	401.908.616
- Các khoản dự phòng	03	-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản			
- mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(889.167.202)	(702.835.229)
- Chi phí lãi vay	06	7.899.824.070	11.111.285.216
3. Lợi nhuận kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	7.622.720.722	11.052.925.556
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.755.223.785)	(298.375.166)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	-	-
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả,			
- thuế TNDN phải nộp)	11	8.984.614.238	8.447.715.986
- Tăng, giảm chi phí trả trước	13	(1.648.750)	-
- Tiền lãi vay đã trả	15	(7.899.824.070)	(11.111.285.216)
- Thuê thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	18	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20	6.950.638.355	8.090.981.160
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	889.167.202	702.835.229
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	889.167.202	702.835.229
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	1.300.000.000	2.460.988.000
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(8.183.980.131)	(11.756.634.000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(6.883.980.131)	9.295.646.000
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	955.825.426	501.829.611
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	263.125.527	764.955.138
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	1.218.950.953	263.125.527

Người lập biểu

Kế toán trưởng

leau
 Hải Thanh leau

am Vuuu
 Đoàn Thị Lê Văn

Hà Nội ngày 15 tháng 09 năm 2020

Tổng Giám đốc



Đinh Ngọc Khanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Năm 2018****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty Cổ phần Tổng bách hóa (gọi tắt là Công ty) là đơn vị được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0101527970, đăng ký lần đầu ngày 16/08/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 03/02/2015 do sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Theo đó;

Tên công ty: Công ty Cổ phần Tổng bách hóa

Vốn điều lệ: 31.178.000.000 đồng

(Ba một tỷ một trăm bảy tám triệu đồng chẵn)

Trụ sở chính: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

2. Lĩnh vực hoạt động: Công ty hoạt động trong lĩnh vực bất động sản và kinh doanh tổng hợp.**3. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
Chi tiết: Kinh doanh kho, bất động sản, nhà ở
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đầu
Chi tiết: Kinh doanh hàng bách hóa, nguyên phụ liệu sản xuất thuốc lá, hàng tiêu dùng, vật tư bảo hộ lao động, kim khí, vật tư nông nghiệp, lương thực, nông sản, vật tư nguyên liệu phục vụ sản xuất;
- Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào
Chi tiết: Kinh doanh thuốc lá;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Kinh doanh văn hóa phẩm
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép
Chi tiết: Kinh doanh vải giả da, vải bạt, vải sợi may mặc;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
Chi tiết: Kinh doanh hàng điện máy; Mua bán các thiết bị điện tử, điện lạnh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Kinh doanh thiết bị phụ tùng;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Kinh doanh hàng thủ công mỹ nghệ;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Bán buôn thực phẩm
Chi tiết: Kinh doanh thực phẩm;

4. Cấu trúc doanh nghiệp:

Các công ty con:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

Tên công ty	Địa chỉ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 23 Điện Biên Phủ, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng.
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 448B Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, TP.Hồ Chí Minh
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Số 15 Bích Câu, Phường Quốc Tử Giám, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản TBH (Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 100%).	Thôn Cách Thượng, xã Nam Sơn, huyện An Dương, TP.Hải Phòng.

5. Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường: chu kỳ hoạt động kinh doanh là 12 tháng.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán:

Ban lãnh đạo Công ty tuyên bố Báo cáo tài chính năm được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính:

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản là tiền và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi công ty mở tài khoản vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tiền:

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:***Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết:***

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài dưới các hình thức:

- Đầu tư dưới hình thức góp vốn vào đơn vị khác (do bên được đầu tư huy động vốn);
- Đầu tư dưới hình thức mua lại phần vốn góp tại đơn vị khác (mua lại phần vốn của chủ sở hữu)

Giá trị ghi sổ các khoản đầu tư vào công ty con được xác định theo giá trị hợp lý.

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết là thời điểm chính thức có quyền sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được xác định giá trị tổn thất tại thời điểm lập Báo cáo tài chính để trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Tuy nhiên, các công ty con, công ty liên kết của công ty đều không bị lỗ hay đang trong giai đoạn đầu tư nên công ty không phải trích lập dự phòng tổn thất.

Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Đối với các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào đơn vị khác được xác định theo giá gốc.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Phải thu của khách hàng: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với khách hàng về tiền bán sản phẩm, hàng hóa, BDS đầu tư, TSCĐ, các khoản đầu tư tài chính, cung cấp dịch vụ.

Phải thu nội bộ: phản ánh các khoản nợ phải thu và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp với đơn vị cấp dưới hoặc giữa các đơn vị cấp dưới trực thuộc.

Phải thu khác: phản ánh các khoản nợ phải thu ngoài phạm vi đã phản ánh ở phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải thu này.

Các khoản phải thu của khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính các khoản phải thu có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp chỉ định khách hàng thanh toán.

Lập dự phòng phải thu khó đòi :

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho và phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:

- * Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Những chi phí không được tính và giá gốc hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách.
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
- Chi phí bán hàng.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ = Giá trị hàng tồn đầu kỳ + Giá trị hàng nhập trong kỳ - Giá trị hàng xuất trong kỳ. (Phương pháp tính giá hàng tồn kho theo phương pháp Thực tế đích danh).

Phương pháp hạch toán tổng hợp hàng tồn kho: Theo phương pháp Kế khai thường xuyên.

Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho do hàng sản xuất và tiêu thụ theo đơn đặt hàng, trong năm cũng không có biến động giảm giá.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, vô hình:

- Tài sản cố định ghi chép ban đầu theo nguyên giá. Trong quá trình hoạt động tài sản cố định của Công ty được hạch toán theo 03 chỉ tiêu: nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.
- Nguyên giá của tài sản cố định được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ:

Tài sản cố định được khấu hao theo thời gian sử dụng ước tính và theo phương pháp khấu hao đường thẳng. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

Loại tài sản	Thời gian KH
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị quản lý	3 - 5 năm

7. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước của công ty gồm công cụ dụng cụ, các chi phí trả trước khác được phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng, thời gian phân bổ không quá 03 năm.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

8. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả...

Phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác:

Phải trả người bán phản ánh tình hình thanh toán về các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp cho người bán vật tư, hàng hóa, người cung cấp dịch vụ, người bán TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Nợ phải trả cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu xây lắp được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả.

Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tại thời điểm lập báo cáo, căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả, nếu:

- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán không quá 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn.
- Có thời hạn phải trả hoặc thanh toán trên 12 tháng (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, các khoản phải trả bán có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi công ty thường xuyên có giao dịch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ được quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh.

Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.
- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.
- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng BCTC)

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả gồm lãi vay, lãi trái phiếu trả sau, chi phí công trình, chi phí phải trả khác. Chi phí của các công trình xây dựng và tư vấn thiết kế đã có trong dự toán thực tế phát sinh nhưng chưa tập hợp đủ hồ sơ, tài liệu do các công trình xây dựng ở xa, nằm rải rác trên nhiều địa bàn được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của các công trình xây dựng là giá trị công trình tạm tính hoặc biên bản tạm xác định khối lượng, cơ sở xác định giá trị chi phí phải trả của hoạt động tư vấn thiết kế căn cứ theo hợp đồng và phần công việc hoàn thành. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các cổ đông trên tỷ lệ cổ phiếu sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty

Các quỹ của Công ty được trích lập theo điều lệ và quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác:

Doanh thu trong kỳ của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu từ lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như: người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế.

Thu nhập khác: các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh gồm: thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ, chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn, tiền phạt, tiền bồi thường và các khoản thu nhập khác.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán trong kỳ, các khoản hao hụt định mức, trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hiện hành thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong kỳ hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

16. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

01. Tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	909.998.168	109.240.771
Tiền gửi ngân hàng	308.952.785	153.884.756
Cộng	1.218.950.953	263.125.527
02. Các khoản đầu tư tài chính <Chi tiết tại phụ lục số 01>		
03. Phải thu của khách hàng		
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	90.139.745.549	90.494.880.186
Chi nhánh Công ty Vải sợi Nghĩa Hưng	5.231.716.930	5.231.716.930
Cty CP Kim loại màu Bắc Hà	38.530.812.354	39.122.712.354
Công Ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	14.402.534.548
Công Ty CP Phát Triển Việt Mỹ	235.665.305	235.665.305
Công ty CP Thương mại Dịch vụ XNK Hải Nam	8.693.302.423	8.693.302.423
Công Ty Cổ phần Nam Vang	348.140.740	348.140.740
Công ty Cổ phần thương mại Hoàng Sơn	337.634.559	337.634.559
Công ty cổ phần Đầu Tư Phát triển Thiên Trường	482.400.000	482.400.000
Công Ty TNHH Phúc Thành	4.685.092.000	4.685.092.000
Công Ty TNHH Sản Xuất và TM Sao Đỏ	484.712.890	484.712.890
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Quang Việt Long	1.019.937.000	1.019.937.000
Công Ty TNHH TM và DV Tổng hợp Tuấn Long	286.452.240	286.452.240
Công ty TNHH Toàn Thắng	1.501.190.000	1.501.190.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Hà Huy	2.007.700.280	2.007.700.280
Công ty TNHH Đầu tư kinh doanh Linh Giang	426.827.982	426.827.982
Công ty TNHH đầu tư thương mại Sản Xuất in Bao Bì Quang Trung	327.375.427	327.375.427
Hoàng Đức Long	3.097.655.000	3.097.655.000
Nguyễn Văn Sơn	4.336.717.000	4.336.717.000
Trần Văn Thành	2.080.749.000	2.080.749.000
Các khách hàng khác	1.623.129.871	1.386.364.508
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	5.310.361.987	5.310.361.987
Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	5.310.361.987	5.310.361.987
Cộng	95.450.107.536	95.805.242.173
04. Trả trước cho người bán		
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	133.177.098	133.042.258
Chi nhánh Cty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt	104.500.000	104.500.000
Văn Phòng Luật sư Trường Long Giang	22.000.000	22.000.000
Các đối tượng khác	6.677.098	6.542.258

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

b. Trả trước cho người bán dài hạn

-

c. Trả trước cho người bán là bên liên quan

-

Cộng**133.177.098****133.042.258****05. Phải thu khác****Số cuối năm****Số đầu năm**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	6.161.327.229	2.312.024.000	5.411.479.647	3.422.400.000
Tạm ứng	1.027.219.419	-	1.020.296.519	-
Phải thu ngắn hạn khác:	5.134.107.810	2.312.024.000	4.391.183.128	3.422.400.000
<i>Cty CP Công Nghiệp XD và TM.</i>	<i>1.356.250.000</i>	<i>1.356.250.000</i>	<i>1.356.250.000</i>	<i>1.356.250.000</i>
<i>Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh</i>	<i>2.249.864.000</i>	-	-	-
<i>Đình Ngọc Chính</i>	<i>617.600.000</i>	<i>366.150.000</i>	<i>617.600.000</i>	<i>366.150.000</i>
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>745.711.515</i>	<i>589.624.000</i>	<i>1.855.962.482</i>	<i>1.700.000.000</i>
Dư nợ TK 338	110.682.295	-	447.370.646	-
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	54.000.000	-	114.000.000	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
c. Phải thu khác là các bên liên quan	3.552.900.440	2.126.289.925	3.552.900.440	2.126.289.925
<i>Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH</i>	<i>2.697.348.084</i>	<i>2.126.289.925</i>	<i>2.697.348.084</i>	<i>2.126.289.925</i>
<i>Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH</i>	<i>855.552.356</i>	-	<i>855.552.356</i>	-
Cộng	9.714.227.669	4.438.313.925	8.964.380.087	5.548.689.925

06. Nợ xấu**Số cuối năm****Số đầu năm**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Phải thu khách hàng	96.657.331.536	37.019.185.163	98.122.842.173	37.124.319.800
Cty CP Kim loại màu Bắc Hà	38.530.812.354	10.254.395.000	39.122.712.354	10.204.395.000
Công ty TNHH Bách Thông	14.402.534.548	4.303.420.000	14.402.534.548	4.303.420.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH	5.310.361.987	2.617.170.993	5.310.361.987	2.617.170.993
Hoàng Đức Long	3.097.655.000	929.296.500	3.097.655.000	929.296.500
Nguyễn Văn Sơn	4.336.717.000	1.301.015.100	4.336.717.000	1.301.015.100
Công ty TNHH Vũ Minh Hiếu	70.729.461	-	70.729.461	-
Chi Nhánh Công Ty Vải Sợi Nghĩa Hưng	5.231.716.930	659.336.565	5.231.716.930	659.336.565
Công ty CP TM Hoàng Sơn	337.634.559	-	337.634.559	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty TNHH TM DV Quang Việt Long	1.019.937.000	48.439.200	1.019.937.000	48.439.200
Công Ty TNHH TM và DV Tổng hợp Tuấn Long	286.452.240	-	286.452.240	-
Công ty TNHH Thiết Bị Vật Tư Hà Nội	105.423.500	-	105.423.500	-
Công ty CP Thương mại Dịch vụ XNK Hải Nam	8.693.302.423	6.085.311.696	8.693.302.423	6.085.311.696
Trần Văn Thành	2.080.749.000	624.224.700	2.080.749.000	624.224.700
Các khách hàng khác	13.153.305.534	10.196.575.409	14.026.916.171	10.351.710.046
- Phải thu khác	4.053.598.084	571.058.159	4.053.598.084	571.058.159
Công ty CP Công Nghiệp XD và TM Nam Lý	1.356.250.000	-	1.356.250.000	-
Cty TNHH MTV XNK TBH	2.697.348.084	571.058.159	2.697.348.084	571.058.159
Cộng	100.710.929.620	37.590.243.322	102.176.440.257	37.695.377.959

07. Hàng tồn kho	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	944.928.839	-	944.928.839	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	944.928.839	-	944.928.839	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ phải trả: không.

08. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 02>

09. Chi phí XDCB dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
+ <i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	6.957.825.000	6.957.825.000
Công trình nhà ở - Số 486 Ngọc Hồi	5.479.492.818	3.647.411.000
Công trình nhà văn phòng 38 Phan Đình Phùng	1.478.332.182	3.310.414.000
Cộng	6.957.825.000	6.957.825.000

10. Đầu tư vào công ty con <Xem chi tiết tại phụ lục 01>**11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác <Xem chi tiết tại phụ lục 01>****12. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn <Xem chi tiết tại phụ lục 01>**

13. Chi phí trả trước	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	-	-
Dài hạn:	92.430.580	90.781.830
<i>Chi phí chờ phân bổ</i>	92.430.580	90.781.830
Cộng	92.430.580	90.781.830

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓAĐịa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
Điện thoại: Fax:**Thuyết minh Báo cáo tài chính**cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

14. Phải trả người bán	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	3.179.696.089	3.179.696.089	4.161.795.489	4.161.795.489
Công ty Cổ phần Đầu Tư và Dịch vụ Hạ tầng Xăng dầu	818.344.500	818.344.500	1.703.344.500	1.703.344.500
Công ty Cổ phần thương mại Hoàng Sơn	1.168.327.199	1.168.327.199	1.168.327.199	1.168.327.199
CN Tổng Công ty Giấy Việt Nam tại Hà Nội	774.830.000	774.830.000	874.830.000	874.830.000
Các đối tượng khác	418.194.390	418.194.390	415.293.790	415.293.790
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c. Phải trả người bán là các bên liên quan	701.936.361	701.936.361	701.936.361	701.936.361
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	701.936.361	701.936.361	701.936.361	701.936.361
Cộng	3.881.632.450	3.881.632.450	4.863.731.850	4.863.731.850
15. Người mua trả tiền trước			Số cuối năm	Số đầu năm
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn			12.284.535.338	12.074.835.309
Cty CP Tư vấn Đầu tư phát triển Công nghệ cao Minh Dương			16.133.700	9.075.300
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Ngọc Hà			29.903.200	11.875.500
Công ty Cổ phần OSEVEN			7.228.300	13.466.700
Công ty TNHH Lương Gia			3.700.000.000	3.700.000.000
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Công Nghiệp Nhôm Việt Pháp Sha			17.640.800	40.405.400
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại HAIWAN Việt Nam			94.226.600	94.226.600
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn			3.678.679.283	3.681.293.979
Nguyễn Đức Linh			3.220.000.000	3.220.000.000
Chu Hồng Hạnh			50.000.000	50.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Đầu tư MTC			34.557.600	34.557.600
Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Giang Anh			-	321.621.000
Công ty TNHH Thương mại & DV Vận tải Thanh Thủy			44.411.300	38.474.500
Công ty TNHH Thương Mại và Dịch Vụ Minh Hiên			85.800.000	85.800.000
Công ty CP Sản xuất và XNK NTR HOLDING			91.071.400	23.465.300
Lê Đình Vàng			104.900.000	24.600.000
Nguyễn Hữu Hiệp			44.437.200	18.380.800
Võ Thị Hoài Phương			58.756.500	-
Đỗ Khoa Thủy			43.560.000	-
Trần Mạnh Linh			79.730.000	-
Các khách hàng khác			883.499.455	707.592.630
b. Người mua trả tiền trước dài hạn			-	-
c. Người mua trả tiền trước là bên liên quan			-	-
Cộng			12.284.535.338	12.074.835.309

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước <xem chi tiết phụ lục 03>**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Chi phí khác phải trả (tiền thuê đất)	14.577.650.296	14.577.650.296	14.015.467.420	14.015.467.420
Cộng	14.577.650.296	14.577.650.296	14.015.467.420	14.015.467.420

18. Phải trả khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn			120.062.886.809	111.160.313.168
Công Ty TNHH Đầu tư Xây dựng Thái Sơn(*)	41.220.785.783	41.220.785.783	41.220.785.783	41.220.785.783
Công ty CP BT và XD Vinaconex Xuân Mai 105	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH TM DV Khách Sạn Tân Hoàng Minh	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000	7.000.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Quản lý và phát triển nhà Hà Nội	1.015.761.600	1.015.761.600	1.015.761.600	1.015.761.600
Các khoản bảo hiểm	71.059.099	71.059.099	150.929.711	150.929.711
Phải trả lãi vay NH	42.283.913.270	42.283.913.270	10.485.874.179	10.485.874.179
Trần Đình Hưng	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000	4.100.000.000
Các đối tượng khác	2.369.530.303	2.369.530.303	26.199.336.344	26.199.336.344
Dư có TK 138	1.836.754	1.836.754	3.387.151	3.387.151
Cộng	120.062.886.809	120.062.886.809	111.160.313.168	111.160.313.168
b. Dài hạn			-	-
Cộng	120.062.886.809	120.062.886.809	111.160.313.168	111.160.313.168

(*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác đầu tư Dự án Nhà văn phòng cho thuê tại số 38 Phan Đình Phùng, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 2649/HĐ-HTĐT/2009 ngày 31 tháng 07 năm 2009 giữa 3 bên là Công ty Quản lý và Phát triển Nhà Hà Nội, Công ty Đầu tư và Xây dựng Thái Sơn và Công ty Cổ phần Tổng Bách Hóa.

19. Vay và nợ thuê tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
19.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	159.623.617.755	159.623.617.755	166.507.597.886	166.507.597.886
a. Vay ngắn hạn ngân hàng	120.895.041.539	120.895.041.539	127.697.349.670	127.697.349.670
NH TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Thăng Long (1)	54.635.000.000	54.635.000.000	54.635.000.000	54.635.000.000
NH TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm (2)	27.989.222.377	27.989.222.377	27.989.222.377	27.989.222.377
NH TMCP Xăng dầu - CN Hà Nội (3)	21.504.067.600	21.504.067.600	24.306.026.000	24.306.026.000
Ngân hàng NN&PTNT - CN Thăng Long (4)	1.433.496.425	1.433.496.425	4.433.846.156	4.433.846.156
Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Hà Nội (5)	15.333.255.137	15.333.255.137	16.333.255.137	16.333.255.137
b. Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân (6)	36.560.897.212	36.560.897.212	36.642.569.212	36.642.569.212
CBCNV - Kho 6	5.300.000	5.300.000	5.300.000	5.300.000
Vũ Thị Thục	505.000.000	505.000.000	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
 Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính
 kết thúc ngày 31/12/2018

Công ty CP Đầu Tư KD Nhà XD Và TM An Mỹ	265.000.000	265.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thái Sơn	5.166.050.212	5.166.050.212
Nguyễn Thị Vũ	770.000.000	870.000.000
Nguyễn Văn Khoa	112.842.000	112.842.000
Nguyễn Văn Thuận	4.120.000.000	4.120.000.000
Nhân Thị Nhị	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Nga	4.431.356.000	4.431.356.000
Phạm Thị Thanh Hằng	2.000.000.000	2.000.000.000
Phạm Thị Thanh Nhân	699.000.000	799.000.000
Phạm Văn Việt	240.000.000	340.000.000
Trần Thị Kim Dung	2.070.962.000	2.170.962.000
Đinh Ngọc Khánh	2.099.980.000	2.286.652.000
Đỗ Anh Dũng	14.015.407.000	14.015.407.000
c. Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân là bên liên quan (6)	2.167.679.004	2.167.679.004
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	687.679.004	687.679.004
Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH	1.480.000.000	1.480.000.000

19.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**Cộng****159.623.617.755 166.507.597.886**

(1) Hợp đồng hạn mức tín dụng số M11012011/HĐHMTD-LienVietPostBankTL ngày 20/06/2012 tại Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 80 tỷ đồng; trong đó hạn mức cho vay ngắn hạn là 60 tỷ đồng, hạn mức mở L/C là 20 tỷ đồng; Mục đích vay: mở L/C để nhập hàng thép cuộn, vay ngắn hạn để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và được gia hạn nợ 24 tháng theo thông báo đồng ý gia hạn nợ ngày 07/04/2014 của Ngân hàng; Lãi suất cho vay: thả nổi và điều chỉnh định kỳ theo quy định của Ngân hàng; Các hình thức bảo đảm tiền vay: đối với phương án mua hàng trong nước: cấp tín dụng không có bảo đảm bằng tài sản; đối với mở L/C nhập khẩu: bảo đảm bằng hàng hóa hình thành từ vốn vay; ngoài tài sản nêu trên, bên vay cam kết dùng toàn bộ tài sản hợp pháp của mình làm tài sản đảm bảo thay thế, bổ sung theo yêu cầu của ngân hàng;

(2) Hợp đồng tín dụng số 42-08.13/HĐTDHM/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013 và phụ lục số 01 ngày 13/09/2013 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 60 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: tối đa không quá 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; Lãi suất cho vay: xác định theo từng lần nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: Quyền khai thác đất thuê và quyền khai thác bất động sản (bao gồm cả tài sản hình thành trên đất thuê trong thời gian thế chấp) tại địa chỉ: Thị trấn Văn Điển, huyện Thanh Trì, Thành phố Hà Nội theo Hợp đồng thuê đất số 119-2004/STNMTND-HĐTĐTN ký giữa Sở tài nguyên môi trường và nhà đất với Trung tâm bách hóa và Dịch vụ thương mại (Bộ Thương mại) ngày 22/10/2004; GCN quyền sử dụng đất số AĐ 493774, mã số quản lý CQ-425 kèm theo Quyết định số 4572/QĐ-UBND ngày 14/11/2007 do UBND thành phố Hà Nội cấp cho Công ty CP Tổng Bách Hóa ngày 14/11/2007 và bao gồm nhưng không hạn chế toàn bộ các hợp đồng cho thuê lại ký giữa Công ty CP Tổng Bách Hóa với các đối tác thuê lại khác. Tổng giá trị tài sản thế chấp được thống nhất theo Biên bản định giá số 42-08.13/BBĐG/TPB.LNH-TBH ngày 04/09/2013, trị giá là 61.600.000.000 VNĐ.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

(3) Hợp đồng tín dụng số 01/2013/HĐHM/NH-PN/PGB-HO ngày 10/01/2013 tại ngân hàng Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 58 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: khi Công ty CP Tổng Bách Hóa thanh toán hết nghĩa vụ nợ với Ngân hàng được quy định trong từng giấy nhận nợ; Lãi suất cho vay: được quy định trên từng Giấy nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: được quy định theo Hợp đồng thế chấp hàng luân chuyển số 01/2013/HĐTC/PGB ngày 10/01/2013 gồm hàng tồn kho hình thành từ vốn vay, được duy trì đảm bảo tỷ lệ giao dịch tín dụng tối đa so với giá trị định giá tài sản thế chấp không quá 70%. Công ty đã bổ sung tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản số 01/PGB/HD ngày 23/03/2015, tài sản thế chấp là các quyền và lợi ích phát sinh từ việc triển khai dự án đầu tư xây dựng của Công ty tại địa điểm 486 Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội.

(4) Hợp đồng tín dụng số: 845/2013/HĐHM ngày 24/06/2013 tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thăng Long, với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 30 tỷ đồng; Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động cho hoạt động sản xuất kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng; Lãi suất cho vay: 11%/năm; Các hình thức bảo đảm tiền vay: theo Hợp đồng thế chấp số 61.2013/HĐTC ngày 22/04/2013 bao gồm: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Bên thế chấp đối với thửa đất được mô tả như sau: Thửa đất số 28, tờ bản đồ số 2 (BĐHT), diện tích 51,8 m², hình thức sử dụng riêng 51,8 m².

Nhà ở có địa chỉ Số 8B, ngõ 8, đường 800A, tổ 33, phường Nghĩa Đô, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội; diện tích xây dựng là 50,4 m², tổng diện tích sử dụng là 128 m²; kết cấu bê tông, số tầng: 03.

Các giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất gồm: giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 10113012099, hồ sơ gốc số 3728.2003.QĐUB 10085.2003 do UBND TP Hà Nội cấp ngày 27/06/2003 mang tên ông Nguyễn Tử Ngọan và vợ bà Vũ Thị Thục, đăng ký sang tên theo văn bản khai nhận di sản thừa kế số 273.2006/KNDSTK ngày 10/11/2006 tại Phòng Công chứng số 3 tp Hà Nội cho bà Vũ Thị Thục, theo xác nhận của Sở Tài nguyên và Môi trường Nhà đất TP Hà Nội ngày 16/11/2006. Những tài sản gắn liền với đất, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các tài sản đã tồn tại và sẽ hình thành trong tương lai, đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này. Các khoản tiền bảo hiểm đối với tài sản (nếu có). Trong trường hợp Nhà nước có chủ trương đền bù giải tỏa thì mọi khoản tiền đền bù, giải tỏa, hỗ trợ bao gồm nhưng không giới hạn bởi các khoản tiền liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, hỗ trợ, chi phí tháo dỡ,... đều thuộc tài sản thế chấp theo hợp đồng này. Các quyền và lợi ích hợp pháp khác phát sinh từ tài sản theo quy định của pháp luật. Tổng giá trị tài sản là 5.502.300.000 VNĐ.

(5) Khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - CN Nam Hà Nội bao gồm 02 hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201300396 ngày 02/07/2013 với các điều khoản chi tiết sau: Số tiền vay: 6.640.000.000 đồng; Mục đích vay: thanh toán tiền mua tằm mùa vụ 2012-2013 theo Hợp đồng kinh tế số 08/2013/HĐMB/HV-TBH ngày 25/06/2013 ký giữa Công ty Cổ phần Tổng Bách hóa và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công Nghệ Tiêu Chuẩn Hùng Vương; Thời hạn của hợp đồng: 04 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay: 11,5 %/năm; Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo;

Hợp đồng tín dụng số 1460-LAV-201300435 ngày 16/07/2013 với các điều khoản chi tiết sau: Hạn mức tín dụng: 40 tỷ đồng; Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh; Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; Lãi suất cho vay: căn cứ theo từng giấy nhận nợ; Các hình thức bảo đảm tiền vay: vay không có tài sản đảm bảo;

(6) Các khoản vay huy động vốn từ cán bộ công nhân viên trong Công ty với lãi suất vay thay đổi từng thời kỳ theo thông báo huy động vốn của Công ty. Các khoản vay theo các hợp đồng vay cá nhân không phải cán bộ công nhân viên của Công ty, thời hạn và lãi suất vay quy định trong từng hợp đồng cụ thể.

<Xem chi tiết tăng giảm và khả năng trả nợ tại Phụ lục số 04>

20. Vốn góp chủ sở hữu

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

20.1 Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại Phụ lục số 05>**20.2 Chi tiết vốn cơ cấu tỷ lệ cổ đông sở hữu**

Vốn góp của các cổ đông

Cộng

	Số cuối năm	Số đầu năm
	31.178.000.000	31.178.000.000
	31.178.000.000	31.178.000.000

20.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

- Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp đầu năm

Vốn góp tăng trong năm

Vốn góp giảm trong năm

Vốn góp cuối năm

- Cổ tức, lợi nhuận đã chia

	Năm nay	Năm trước
	31.178.000.000	31.178.000.000
	-	-
	-	-
	31.178.000.000	31.178.000.000
	-	-

20.4 Cổ tức**20.5 Cổ phiếu**

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:

Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:

Cổ phiếu phổ thông

Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:

Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	3.117.800	3.117.800
	3.117.800	3.117.800
	3.117.800	3.117.800
	-	-
	3.117.800	3.117.800
	3.117.800	3.117.800
	10.000	10.000

20.6 Các quỹ của doanh nghiệp

Quỹ đầu tư phát triển

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	3.557.218.859	3.557.218.859
	3.557.218.859	3.557.218.859

Các quỹ của doanh nghiệp được trích căn cứ theo Điều lệ công ty và theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên. Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp: để dự phòng rủi ro có thể xảy ra và đầu tư phát triển doanh nghiệp theo chiều sâu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH <đồng>**01. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	19.872.058.029	22.438.003.799
	19.872.058.029	22.438.003.799

02. Các khoản giảm trừ doanh thu**03. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Cộng

	Năm nay	Năm trước
	19.872.058.029	22.438.003.799
	19.872.058.029	22.438.003.799

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội
Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

	Năm nay	Năm trước
04. Giá vốn hàng bán		
Giá vốn của hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	-
Cộng	-	-
05. Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	907.202	935.229
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.000.000	180.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	638.260.000	521.900.000
Cộng	889.167.202	702.835.229
06. Chi phí tài chính		
Chi phí lãi vay	7.899.824.070	11.111.285.216
Cộng	7.899.824.070	11.111.285.216
07. Chi phí bán hàng		
Chi phí cho nhân viên	2.806.476.946	3.311.653.140
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.413.093	401.908.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.978.783.795	4.269.982.963
Chi phí bằng tiền khác	5.232.446.821	1.061.732.629
Cộng	10.306.120.655	9.045.277.348
08. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí cho nhân viên	2.652.854.253	2.385.065.197
Thuế phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.023.127.535	985.524.546
Cộng	3.678.981.788	3.373.589.743
09. Thu nhập khác		
Thu nhập khác	1.461.926.397	4.950.000
Cộng	1.461.926.397	4.950.000
10. Chi phí khác		
Chi phí khác	14.574.354	10.597.768
Cộng	14.574.354	10.597.768
11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Lợi nhuận kế toán trước thuế	323.650.761	242.566.953
Các khoản điều chỉnh tăng:	-	-
- Phạt vi phạm hành chính, thuế	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm:	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	323.650.761	242.566.953
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành.	-	-
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành năm nay.	-	-
Tổng số thuế TNDN phải nộp	-	-
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	323.650.761	242.566.953
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	3.117.800	3.117.800
Lãi trên cổ phiếu	104	78
13. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	5.459.331.199	3.922.900.452
Chi phí khấu hao TSCĐ	288.413.093	401.908.616
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.001.911.330	2.047.257.175
Chi phí khác	5.235.446.821	6.046.800.848
Cộng	13.985.102.443	12.418.867.091

VIII. Những thông tin khác**1. Công cụ tài chính****1.1. Quản lý rủi ro**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

1.2. Các loại công cụ tài chính:**Tài sản tài chính:**

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.218.950.953	263.125.527
Phải thu ngắn hạn của khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	105.164.335.205	104.769.622.260
Đầu tư ngắn hạn	7.205.198.000	7.205.198.000
Đầu tư dài hạn	4.611.962.418	4.611.962.418
Tài sản tài chính khác	-	-
Công nợ tài chính		
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn	159.623.617.755	166.507.597.886
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	123.944.519.259	116.024.045.018

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Công nợ tài chính khác - -

1.3. Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính:

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá do các nghĩa vụ nợ ngoại tệ (nếu có) đều được thanh toán bằng ngoại tệ.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với các ngân hàng uy tín và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh vì các khoản phải thu khách hàng chủ yếu bằng tiền mặt.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Phải trả người bán ngắn hạn và phải trả ngắn hạn khác	123.944.519.259	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-
Công nợ khác	14.577.650.296	-

2. Thông tin về các bên liên quan:

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên có liên quan chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH	Công ty con
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam Tổng Bách hoá	Công ty con
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm Tổng Bách hoá	Công ty con
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	Công ty con
Bà Lê Thị Hợp	Chủ tịch HĐQT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

2.1	Quan hệ với Công ty	Năm nay	
Giao dịch phát sinh			
2.2	Quan hệ với Công ty	Số cuối năm	Số đầu năm
Công nợ với bên liên quan			
Công nợ với các bên liên quan khác Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V2, V3, V5, V14, V19			
2.3			Số cuối năm
Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc			Số đầu năm
Lương, phụ cấp của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc		604.307.485	1.033.444.517

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tại ngày 31/12/2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

4. Thông tin về hoạt động liên tục

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018, khoản lỗ thuần của công ty đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 294.033.603.691 đồng. Và tại ngày đó, các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã vượt quá Tổng tài sản là 257.909.929.961 đồng, và vốn chủ sở hữu âm 257.909.929.961 đồng.

Tuy nhiên, trong năm 2018, công ty đang tích cực thực hiện các biện pháp thu hồi công nợ phải thu khách hàng cùng với sự hỗ trợ tài chính của Tập đoàn Tân Hoàng Minh.

Với kế hoạch sản xuất kinh doanh và các biện pháp nêu trên, Ban giám đốc công ty vẫn tin rằng công ty vẫn hoạt động liên tục.

5. Những thông tin khác

5.1 Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	81,09	80,10
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	18,91	19,90
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	485,70	494,69
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	(385,70)	(394,69)
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	0,21	0,20
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	0,17	0,16
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	-	-
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	1,63	1,08
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,63	1,08

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản				
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%		0,48	0,37
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%		0,48	0,37

5.2 Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định của thuế về việc áp dụng các quy định và chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Người lập biểu

Kevin
Kevin Thanh Loan

Kế toán trưởng

Đinh Ngọc Khanh
Đinh Ngọc Khanh



Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2020

Tổng Giám đốc

Đinh Ngọc Khanh

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục số 01: Các khoản đầu tư tài chính

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>		Đơn vị tính: đồng			
	Số lượng	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý		Số lượng	Giá gốc	Dự phòng
(a) Đầu tư tài chính ngắn hạn		7.205.198.000	-	7.205.198.000		7.205.198.000	-	7.205.198.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		7.205.198.000	-	7.205.198.000		7.205.198.000	-	7.205.198.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH	-	5.105.198.000	-	5.105.198.000		5.105.198.000	-	5.105.198.000
Công ty TNHH MTV Thương Mại Miền Nam TBH		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000		2.000.000.000
Lê Thị Hợp		100.000.000		100.000.000		100.000.000		100.000.000
(b) Đầu tư tài chính dài hạn		8.259.865.810	(3.647.903.392)	4.611.962.418		8.259.865.810	(3.647.903.392)	4.611.962.418
- Đầu tư vào công ty con		5.014.539.854	(3.647.903.392)	1.366.636.462		5.014.539.854	(3.647.903.392)	1.366.636.462
Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu TBH (1)		2.000.000.000	(1.456.401.709)	543.598.291		2.000.000.000	(1.456.401.709)	543.598.291
Công ty TNHH MTV Thương mại Miền nam Tổng Bách hoá (2)		1.000.000.000	(191.501.683)	808.498.317		1.000.000.000	(191.501.683)	808.498.317
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm Tổng Bách hoá (3)		2.000.000.000	(2.000.000.000)	-		2.000.000.000	(2.000.000.000)	-
Công ty TNHH MTV Vật tư Nông sản	-	14.539.854	-	14.539.854		14.539.854	-	14.539.854

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	3.245.325.956	-	3.245.325.956	3.245.325.956	-	3.245.325.956
Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn (4)	3.245.325.956	-	3.245.325.956	3.245.325.956	-	3.245.325.956

- (1) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0204000040, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 06 năm 2006 thay đổi lần thứ 1 ngày 06 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào là Công ty CP Tổng Bách Hóa 2.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm khoản đầu tư này không thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.
- (2) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0304517671, đăng ký lần đầu ngày 21 tháng 08 năm 2006 thay đổi lần thứ 6 ngày 27 tháng 08 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào là Công ty CP Tổng Bách Hóa 1.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm khoản đầu tư này không thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 1.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ.
- (3) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101527970, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 06 năm 2006 thay đổi lần thứ 1 ngày 15 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào là Công ty CP Tổng Bách Hóa 2.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong năm khoản đầu tư này không thay đổi. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 2.000.000.000 VND tương đương 100% vốn điều lệ. Theo quyết định số 01/TBH ngày 14/03/2014 của Hội đồng quản trị Công ty CP Tổng Bách Hóa về việc giải thể công ty con Công ty TNHH MTV Văn Hóa Phẩm TBH kể từ ngày 01/04/2014.
- (4) Đầu tư hợp tác kinh doanh theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 02-11/HTKD/TBH-HS ngày 21 tháng 09 năm 2011 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thương mại Hoàng Sơn về việc cùng hợp tác mua tàu cũ để phá dỡ và bán các sản phẩm thu được. Lợi nhuận của Công ty từ hợp đồng hợp tác kinh doanh bao gồm tiền bán các sản phẩm thu được, lãi 2%/tháng và lãi suất cố định 150.000.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại: Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 02: Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	PTVT - truyền dẫn	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá tài sản cố định					
Số dư đầu năm	19.389.399.345	98.960.000	1.714.260.461	-	21.202.619.806
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- XDCB hoàn thành	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.389.399.345	98.960.000	1.714.260.461	-	21.202.619.806
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	18.139.223.717	77.538.834	1.714.260.461	-	19.931.023.012
- Khấu hao trong năm	287.501.763	911.330	-	-	288.413.093
- Tặng khác	-	20.509.836	-	-	20.509.836
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	20.509.836	-	-	-	20.509.836
Số dư cuối kỳ	18.406.215.644	98.960.000	1.714.260.461	-	20.219.436.105
Giá trị còn lại của TSCĐ					
- Tại ngày đầu năm	1.250.175.628	21.421.166	-	-	1.271.596.794
- Tại ngày cuối năm	983.183.701	-	-	-	983.183.701

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP.Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính
cho năm tài chính
kết thúc ngày 31/12/2018**Phụ lục 03: Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước**

Đơn vị tính: đồng

	Số đầu năm		Phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng		3.841.370.671	2.538.391.011	3.805.258.679	-	2.574.503.003
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.223.625.414			546.353.046	2.677.272.368	
Thuế thu nhập cá nhân		631.302.400	50.636.229	15.249.538		666.689.091
Thuế nhà đất, tiền thuê đất		7.706.888.783	2.823.952.136			10.530.840.919
Các loại thuế khác			3.000.000	3.000.000		
Cộng	3.223.625.414	12.179.561.854	5.415.979.376	4.369.861.263	2.677.272.368	13.772.033.013

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục số 04: Tình hình tăng giảm và khả năng trả nợ vay

Nội dung	Số cuối năm		Trong năm			Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
Tổng cộng	159.623.617.755	159.623.617.755	1.300.000.000	8.183.980.131	166.507.597.886	166.507.597.886	
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	159.623.617.755	159.623.617.755	1.300.000.000	8.183.980.131	166.507.597.886	166.507.597.886	
Vay ngắn hạn ngân hàng	120.895.041.539	120.895.041.539	-	6.802.308.131	127.697.349.670	127.697.349.670	
NH TMCP Bưu Điện Liên Việt - CN Thăng Long	54.635.000.000	54.635.000.000	-	-	54.635.000.000	54.635.000.000	
NH TMCP Tiên Phong - CN Hoàn Kiếm	27.989.222.377	27.989.222.377	-	-	27.989.222.377	27.989.222.377	
NH TMCP Xăng dầu - CN Hà Nội	21.504.067.600	21.504.067.600	-	2.801.958.400	24.306.026.000	24.306.026.000	
Ngân hàng NN&PTNT - CN Thăng Long	1.433.496.425	1.433.496.425	-	3.000.349.731	4.433.846.156	4.433.846.156	
Ngân hàng NN&PTNT - CN Nam Hà Nội	15.333.255.137	15.333.255.137	-	1.000.000.000	16.333.255.137	16.333.255.137	
Vay ngắn hạn tổ chức, cá nhân	38.728.576.216	38.728.576.216	1.300.000.000	1.381.672.000	38.810.248.216	38.810.248.216	
CBCNV - Kho 6	5.300.000	5.300.000	-	-	5.300.000	5.300.000	
Chu Viết Quang	-	-	-	-	-	-	
Công ty CP Đầu Tư KD Nhà XD Và TM An Mỹ	265.000.000	265.000.000	-	-	265.000.000	265.000.000	
Công ty TNHH MTV Văn hoá phẩm TBH	687.679.004	687.679.004	-	-	687.679.004	687.679.004	

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Công ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập khẩu TBH	1.480.000.000	1.480.000.000	-	-	-	1.480.000.000	1.480.000.000	1.480.000.000
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng Thái Sơn	5.166.050.212	5.166.050.212	-	-	-	5.166.050.212	5.166.050.212	5.166.050.212
Vũ Thị Thực	505.000.000	505.000.000	1.000.000.000	-	495.000.000	-	-	-
Nguyễn Thị Vũ	770.000.000	770.000.000	-	-	100.000.000	870.000.000	870.000.000	870.000.000
Nguyễn Văn Khoa	112.842.000	112.842.000	-	-	-	112.842.000	112.842.000	112.842.000
Nguyễn Văn Thuận	4.120.000.000	4.120.000.000	300.000.000	-	300.000.000	4.120.000.000	4.120.000.000	4.120.000.000
Nhân Thị Nhị	60.000.000	60.000.000	-	-	-	60.000.000	60.000.000	60.000.000
Phạm Thị Nga	4.431.356.000	4.431.356.000	-	-	-	4.431.356.000	4.431.356.000	4.431.356.000
Phạm Thị Thanh Hằng	2.000.000.000	2.000.000.000	-	-	-	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Phạm Thị Thanh Nhân	699.000.000	699.000.000	-	-	100.000.000	799.000.000	799.000.000	799.000.000
Phạm Văn Việt	240.000.000	240.000.000	-	-	100.000.000	340.000.000	340.000.000	340.000.000
Trần Thị Kim Dung	2.070.962.000	2.070.962.000	-	-	100.000.000	2.170.962.000	2.170.962.000	2.170.962.000
Đinh Ngọc Khánh	2.099.980.000	2.099.980.000	-	-	186.672.000	2.286.652.000	2.286.652.000	2.286.652.000
Đỗ Anh Dũng	14.015.407.000	14.015.407.000	-	-	-	14.015.407.000	14.015.407.000	14.015.407.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	-	-	-	-	-	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-	-	-

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN TỔNG BÁCH HÓA

Địa chỉ: Số 38 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội

Điện thoại:

Fax:

Thuyết minh Báo cáo tài chính

cho năm tài chính

kết thúc ngày 31/12/2018

Phụ lục 05: Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu**A- BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
1. Số dư đầu năm trước	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(292.875.954.292)	(256.752.280.562)
- Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	242.566.953	242.566.953
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
2. Số dư cuối năm trước	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(292.633.387.339)	(256.509.713.609)
3. Số dư đầu năm nay	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(292.633.387.339)	(256.509.713.609)
- Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	323.650.761	323.650.761
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
+ Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-
+ Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	1.723.867.113	1.723.867.113
4. Số dư cuối năm	31.178.000.000	-	3.557.218.859	1.388.454.871	(294.033.603.691)	(257.909.929.961)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)